

BÁO CÁO

Thực trạng đội ngũ thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND Thành phố Uông Bí

Thực hiện Công văn số 1847/SNV-CCVC ngày 05/9/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh về việc báo cáo thực trạng đội ngũ thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí báo cáo cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Thực trạng đội ngũ công chức

- Biên chế công chức được giao năm 2022: **81** chỉ tiêu.
- Tổng số công chức hiện có mặt tính đến ngày 31/8/2022: **73** người, trong đó:
 - + Số công chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số: **01** người.
 - + Số công chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số: **01** người.
 - + Số công chức không có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số: **Không**.

2. Thực trạng đội ngũ viên chức

- Số lượng người làm việc được giao năm 2022: **1.595** chỉ tiêu.
- Tổng số viên chức: **1.465** người, trong đó:
 - + Số viên chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số: **Không**.
 - + Số viên chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số: **12** người.
 - + Số viên chức không có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số: **Không**.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, đã được triển khai quán triệt, cán bộ công chức có bước nhận thức cơ bản về sự cần thiết của việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hành chính nhà nước.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã tiến hành mở các lớp tập huấn công nghệ thông tin nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin và hướng dẫn cài đặt các phần mềm mở, phần mềm ứng dụng cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên

chức, giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức thành thạo trong việc đưa công nghệ thông tin vào công việc của mình được thuận lợi hơn.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Vẫn còn một bộ phận cán bộ công chức chưa chủ động học tập và trau dồi nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác của mình; vẫn còn một số đơn vị chưa chủ động trong việc khai thác, sử dụng các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đã đầu tư.

- Nguồn nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin chủ yếu là kiêm nhiệm nên ảnh hưởng rất lớn đến công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện quản lý nhà nước tại địa phương; chưa có cơ chế, chính sách thu hút người giỏi về công nghệ thông tin vào làm việc trong cơ quan nhà nước nên công tác tham mưu, đề xuất giải pháp ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin còn nhiều hạn chế.

- Chưa khai thác, phát huy được tối đa tính năng, lợi ích của các phương tiện công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin hiện có để nâng cao hiệu quả trong công việc cũng như trong quản lý điều hành.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Trung ương: Không

2. Với Tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo cải tiến phần mềm để người dân có thể dễ dàng truy cập và thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến; đẩy mạnh tuyên truyền hướng dẫn tổ chức, cá nhân chuyển từ giao dịch trực tiếp sang giao dịch trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ công Quốc gia.

- Tổ chức triển khai các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

Trên đây là báo cáo thực trạng đội ngũ thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND Thành phố Uông Bí. Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí báo cáo Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (b/c);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Cơ quan Tổ chức - Nội vụ;
- Lưu: VT, TCNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Đạt

BIỂU TỔNG HỢP THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Báo cáo số 625/BC-UBND ngày 07/9/2022 của UBND Thành phố Uông Bí)

TT	Đơn vị	Số biên chế công chức/ Số lượng NLV được giao năm 2022	Tổng số công chức, viên chức có mặt đến 31/8/2022	Tổng số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT, chuyên đổi số	Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT và chuyên đổi số			Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT			Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên đổi số			Ghi chú
					Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	
1	2	3	4	5=6+9+12	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG (A)+(B)	1.676	1.538	13	2	2		11	11					
A	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	81	73	1	1	1								
1	Văn phòng HĐND-UBND	16	16											
2	Trung tâm hành chính công	3	3											
3	Phòng Kinh tế	8	8											
4	Phòng Tài chính - kế hoạch	11	9											
5	Phòng Tài nguyên - Môi trường	9	7											
6	Phòng Tư pháp	5	5											
7	Phòng Lao động - Thương binh &XH	9	8											
8	Phòng Quản lý đô thị	9	7											

TT	Đơn vị	Số biên chế công chức/ Số lượng NLV được giao năm 2022	Tổng số công chức, viên chức có mặt đến 31/8/2022	Tổng số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT, chuyên đổi số	Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT và chuyên đổi số			Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT			Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên đổi số			Ghi chú
					Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	
9	Phòng Y tế	2	2											
10	Phòng Giáo dục và đào tạo	4	4											
11	Phòng Văn hóa - Thông tin	5	4		1	1								
B	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CL	1.595	1.465	12	1	1			11	11				
I	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	1.342	1.317	9					9	9				
	Khối Mầm non	364	361											
1	MNBắc Sơn	28	28											
2	MN Quang Trung	33	32											
3	MN Trung Vương	25	25											
4	MN Thượng Yên Công	27	26											
5	MN Điện Cờng	14	13											
6	MN 19/5	25	25											
7	MN Nam Khê	21	21											
8	MN Phương Đông	48	48											
9	MN Phương Nam	39	39											
10	MN Thanh Sơn	38	38											
11	MN Vàng Danh	18	18											
12	MN Yên Thanh	27	27											
13	MN Đông Chanh	21	21											
	Khối Tiểu học	556	544	5					5	5				
1	TH Kim Đồng	20	20											



TT	Đơn vị	Số biên chế công chức/ Số lượng NLV được giao năm 2022	Tổng số công chức, viên chức có mặt đến 31/8/2022	Tổng số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT, chuyên đổi số	Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT và chuyên đổi số			Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT			Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên đổi số			Ghi chú	
					Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người có trình độ không có trình độ CNTT	Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người có trình độ không có trình độ CNTT	Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người có trình độ không có trình độ CNTT		Tổng số
2	TH Lê Hồng Phong	30	30												
3	TH Lê Lợi	52	51												
4	TH Nguyễn Bá Ngọc	17	17												
5	TH Trần Hưng Đạo	25	25												
6	TH Trung Vương	42	41												
7	TH Yên Thanh	44	42	1					1	1					
8	TH Lý Thường Kiệt	48	48	1					1	1					
9	TH Phương Đông A	26	23	1					1	1					
10	TH Phương Đông B	48	48												
11	TH Phương Nam A	27	24												
12	TH Phương Nam B	25	25												
13	TH Phương Nam C	21	21												
14	TH Quang Trung	49	48	1					1	1					
15	TH Trần Phú	47	46												
16	TH&THCS Nam Khê	25	25	1					1	1					
17	TH&THCS Điện Công	10	10												
	Khởi THCS	409	399	4					4	4					
1	TH&THCS Điện Công	12	11												
2	TH&THCS Nam Khê	19	18												
3	THCS Bắc Sơn	22	22												
4	THCS Nguyễn Trãi	66	64												
5	THCS Phương Đông	47	46	1					1	1					
6	THCS Phương Nam	41	40	1					1	1					
7	THCS Trần Quốc Toàn	70	70	2					2	2					
8	THCS Lý Tự Trọng	23	22												
9	THCS Nguyễn Văn Cừ	43	42												
10	THCS Trung Vương	34	33												

TT	Đơn vị	Số biên chế công chức/ Số lượng NLV được giao năm 2022	Tổng số công chức, viên chức có mặt đến 31/8/2022	Tổng số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số	Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT và chuyển đổi số			Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT			Số công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyển đổi số			Ghi chú
					Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	Tổng số	Người có trình độ CNTT	Người không có trình độ CNTT	
11	THCS Yên Thanh	32	31											
	Trung tâm GDNN-GDTX	13	13											
II	Sự nghiệp VHHT			2										
1	Trung tâm truyền thông và văn hóa	30	29	2				2	2					
III	Sự nghiệp khác	253	148	1	1	1								
1	Trung tâm Hành chính công	10	2	1	1	1								
2	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	13	12											
3	Đội kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	18	18											
4	Ban quản lý di tích và Rừng Quốc gia Yên tử	75	46											
5	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	30	28											
6	Trung tâm phát triển quỹ đất	30	25											
7	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	15	9											
8	Chợ Trung tâm Ưông Bí	60	6											
9	Hội chữ thập đỏ	2	2											

BIỂU THÔNG KÊ DANH SÁCH ĐỘI NGŪ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Báo cáo số 625/BC-UBND ngày 07/9/2022 của UBND Thành phố Uông Bí)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn				Nhiệm vụ được phân công (nêu rõ)		Tổng tiền lương và các khoản phụ cấp hiện hưởng (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Nhiệm vụ về công nghệ thông tin	Nhiệm vụ về chuyển đổi số		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC												
1	Đỗ Quang Tứ	05/05/1981		Phó trưởng phòng VHHT	Đại học	Tin học quản lý	Chính quy	Trung bình	Phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin	Tham mưu, hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số cho thành phố và phòng VHHT	7.300.000	
II ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP												
1	Phạm Đức Vượng	05/04/1985		Viên chức Trung tâm truyền thông và văn hoá	Cao đẳng	Tin học	Chính quy	Trung bình	Quản trị mạng tại VP HĐND-UBND		4.080.000	
2	Mai Thị Thương		12/07/1981	Viên chức Trung tâm truyền thông và văn hoá	Đại học	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	Phụ trách công nghệ thông tin điện tử TP, cài đặt phần mềm		5.000.000	
3	Trần Xuân Trường	25/10/1986		Viên chức Trung tâm Hành chính công TP	Đại học	Công nghệ thông tin	Hệ đào tạo từ xa	Trung bình	Quản trị mạng, cài đặt phần mềm	HD, hỗ trợ kỹ số văn bản...	5.100.000	
4	Hoàng Kiều Oanh		11/07/1984	Giáo viên TH Lý Thường Kiệt	Đại học	Công nghệ thông tin	Vừa làm vừa học	Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		6.100.000	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn				Loại tốt nghiệp	Nhiệm vụ được phân công (nêu rõ)		Tổng tiền lương và các khoản phụ cấp hiện hưởng (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Nhiệm vụ về công nghệ thông tin		Nhiệm vụ về chuyên đổi số			
5	Hoàng Thị Việt Nga		05/06/1986	Giáo viên TH Phương Đông A	Đại học	Công nghệ thông tin	Vừa học vừa làm	Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		8.600.000		
6	Lê Việt Dũng	25/10/1985		Giáo viên TH Quang Trung	Đại học	Công nghệ thông tin	Vừa học vừa làm	Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		8.600.000		
7	Đình Mạnh Linh	03/09/1989		Giáo viên TH Yên Thanh	Cao đẳng	Công nghệ thông tin	Chính quy	TB Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		5.500.000		
8	Vũ Thị Thu Huyền		06/09/1984	Phó hiệu trưởng TH&THCS Nam Khê	Đại học	Công nghệ thông tin	Vừa làm vừa học	Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		8.600.000		
9	Trần Thị Thúy Tinh		03/07/1985	Giáo viên THCS Phương Đông	Đại học	Công nghệ thông tin	Đào tạo từ xa	Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		8.600.000		
10	Nguyễn Thị Thu Hào		17/09/1987	Giáo viên THCS Phương Nam	Đại học	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		8.800.000		
11	Phạm Hồng Đức	13/09/1983		Giáo viên THCS Trần Quốc Toàn	Đại học	Công nghệ thông tin	Vừa học vừa làm	Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		8.800.000		
12	Đình Thị Hoàng Hằng		30/04/1984	Giáo viên THCS Trần Quốc Toàn	Đại học	Công nghệ thông tin	Vừa học vừa làm	Khá	Giáo viên dạy Công nghệ thông tin		6.995.000		

Danh sách gồm 12 người.